

Bản án số: 105 /2017/HNGĐ
Ngày 05/10/2017
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai.
2. Ông Bùi Tuấn Khanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 321/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị T, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh G

- *Bị đơn:* Huỳnh Kim X (Tý), sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh E.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông V, sinh năm 1964, địa chỉ 55F, Quốc lộ 60, khu phố 1, Phường K, TP E, tỉnh E. Ông V là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 25/5/2017, bản tự khai ngày 21/8/2017 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị Bùi Thị T trình bày:

Chị Bùi Thị T và anh Huỳnh Kim X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới Tây được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/6/2006. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến mừng 1 tết năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Anh X có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thỉnh thoảng chửi mắng, hăm dọa đánh đập chị. Chị T cố gắng hàn gắn thuyết phục anh X để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Chị và anh X đã sống ly thân từ tháng 1/2016 cho đến nay. Hiện tại chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh X nữa. Tại Tòa, chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Kim X.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Phúc Hậu, sinh ngày 25/5/2006, Huỳnh Nhật Tân, sinh ngày 08/9/2007. Hiện tại cháu Hậu và cháu Tân đang sống chung với chị T. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 21/8/2017, biên bản hòa giải ngày 21/8/2017 cũng như tại phiên tòa, anh Huỳnh Kim X trình:*

Anh X thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của chị Bùi Thị T về quá trình chung sống, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị T trình bày là không đúng. Anh X không có quan hệ với người phụ nữ khác, không có hăm dọa, đánh đập chị T. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thật sự là do chị T đi làm ở xa, phải đi sớm về trễ; anh và chị T có cãi vã vào ngày mừng 1 tết năm 2016, khoảng tháng 1/2016 thì chị T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Do chị T không còn thương anh và viết đơn ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên ý kiến là đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Phúc Hậu, sinh ngày 25/5/2006, Huỳnh Nhật Tân, sinh ngày 08/9/2007. Anh X yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh mà giao cháu Hậu và cháu Tân cho chị T nuôi dưỡng thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh X chưa thật sự nghiêm trọng, do thời gian làm việc giữa vợ chồng không cùng thời gian, chị T phải đi làm sớm, về trễ dẫn đến cãi vã, chị T cũng chưa*

yêu cầu hội phụ nữ xã Vang Quới Tây đề hàn gấn nên mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh X chưa đến mức phải ly hôn. Về con chung từ khi ly thân cho đến nay 02 con chung về sống chung gia đình bên ngoại có hai người cậu bị bệnh tâm thần sống bằng tiền trợ cấp xã hội, nếu 02 con chung của chị T, anh X tiếp tục sống bên ngoại sẽ ảnh hưởng không tốt cho 02 con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T để vợ chồng có thời gian thử thách và cùng nuôi con chung.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm của việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vi phạm về thời hạn gửi, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện Kiểm sát nhưng vi phạm này đã được khắc phục, đề nghị rút kinh nghiệm chung trong thời gian tới. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự có chấp hành tốt theo quy định tại khoản Điều 70, 76 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Về quan hệ hôn nhân công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị T với anh Huỳnh Kim X. Về con chung anh X có cung cấp cho Tòa án đơn xác nhận gia đình có người bệnh tâm thần, xác nhận này Ủy ban xã Hậu Mỹ Phú chỉ xác nhận chữ ký anh X là đúng chứ không xác nhận về nội dung đơn. Hơn nữa ủy ban xã không phải là cơ quan chuyên môn xác định người tâm thần. Sau khi ly thân chị T trực tiếp nuôi con và phát triển bình thường không bị ảnh hưởng xấu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để chị T tiếp tục nuôi hai con chung Huỳnh Nhựt Tân, sinh ngày 08/9/2007; Huỳnh Thị Phúc Hậu, sinh ngày 25/5/2006, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phúc và cháu Tân. Chị T nuôi con không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh X khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị T và anh Huỳnh Kim X cưới nhau vào năm 2005 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày

26/06/2006 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh X được công nhận là hợp pháp.

Quá trình sống chung chị T, anh X có hạnh phúc đến tháng 01 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai bên không hòa hợp thường hay cãi vã, anh X, chị T đã ly thân từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay anh X cũng không quan tâm tới lui thăm nom. Tòa án tiến hành xác minh thì Hội phụ nữ xã Q cũng đã xác nhận cuộc sống chị T và anh X phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Điều đó chứng tỏ chị T, anh X mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau. Vì vậy hôn nhân của chị T, anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Tòa anh X đồng ý ly hôn với chị T nên công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị T và anh Huỳnh Kim X là phù hợp với Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: chị Bùi Thị T và anh Huỳnh Kim X có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Phúc Hậu, sinh ngày 25/5/2006, Huỳnh Nhựt Tân, sinh ngày 08/9/2007 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn cả chị T và anh X đều yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ tháng 6/2017 đến nay con chung đều sống chung với chị T, việc chị T nuôi con chung vẫn phát triển bình thường và được học hành tại huyện Cái bè Tỉnh Tiền Giang; và tại biên bản lấy ý kiến con trên 07 tuổi thì cháu Hậu, cháu Tân đều có nguyện vọng sống với mẹ là Bùi Thị T. Nên để nhằm ổn định về tinh thần của con chung và theo nguyện vọng của cháu Hậu, cháu Tân thì chị T được tiếp tục nuôi hai con chung là phù hợp quy định Tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu nuôi hai con chung của anh X, cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, anh X có cung cấp cho Tòa án đơn xác nhận gia đình có người bệnh tâm thần, nhận thấy xác nhận này Ủy ban xã P chỉ xác nhận chữ ký anh X là đúng chứ không xác nhận về nội dung đơn cũng như tình trạng bệnh tật của các thành viên trong gia đình chị T. Hơn nữa ủy ban xã không phải là cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xác định người tâm thần, anh X cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh hai người cậu của cháu Tân và cháu Hậu có ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của 02 cháu Tân và cháu Hậu. Từ khi ly thân anh X không tới lui chăm sóc con chung, hai cháu Hậu, cháu Tân đều có nguyện vọng sống với mẹ là Bùi Thị T. Do đó, yêu cầu nuôi hai con chung của anh X không được chấp nhận.

Tại phiên tòa chị T thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị nuôi 02 con chung là Huỳnh Thị Phúc Hậu, Huỳnh Nhựt Tân, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh X thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Bùi Thị T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh Huỳnh Kim X phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 36, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị T và anh Huỳnh Kim X.

2. Về con chung: chị Bùi Thị T được tiếp tục nuôi hai con con chung tên là Huỳnh Thị Phúc Hậu, sinh ngày 25/5/2006, Huỳnh Nhựt Tân, sinh ngày 08/9/2007.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T nuôi 02 con chung không yêu cầu anh Huỳnh Kim X cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Kim X không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của chị T, anh X hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Bùi Thị T, anh Huỳnh Kim X thống nhất khai không có, nên không xét đến.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Bùi Thị T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005871 ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, chị T được hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Huỳnh Kim X phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự chị Bùi Thị T, anh Huỳnh Kim X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lê Thị Thu Hương